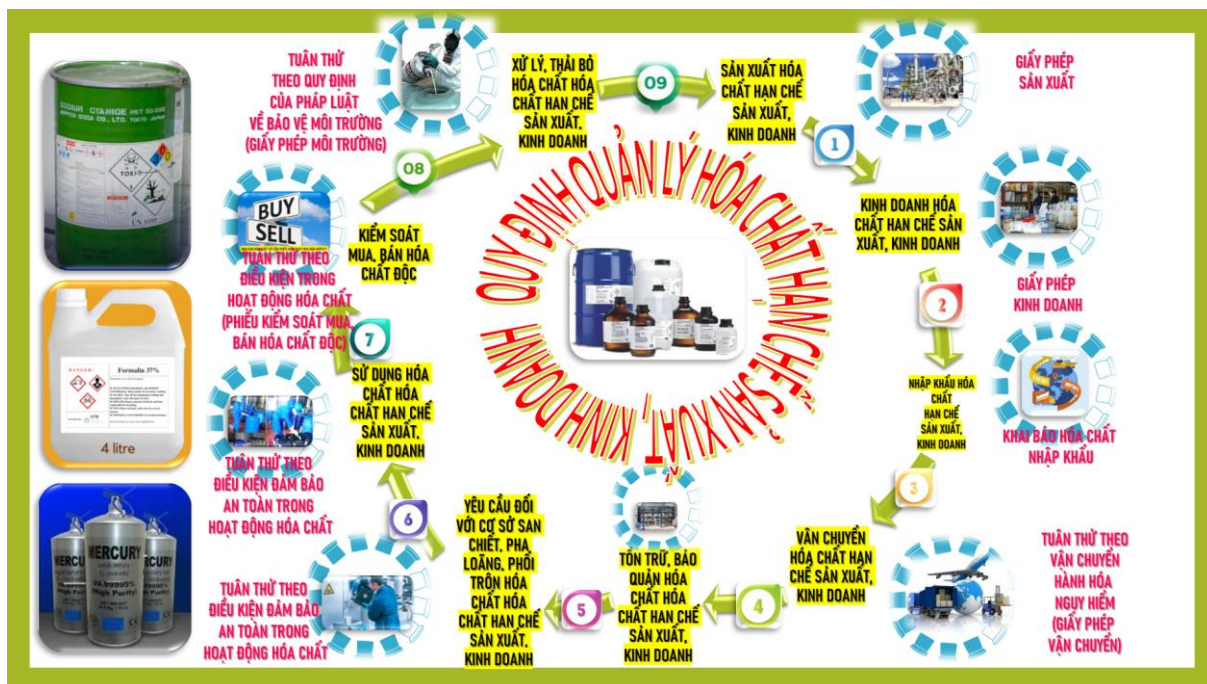


QUẢN LÝ HÓA CHẤT THEO VÒNG ĐỜI NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CÁC LOẠI HÓA CHẤT ĐỘC HẠI ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO XÃ HỘI



PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ HÓA CHẤT ĐỘC (FORMALDEHYDE 37%)

FORMALDEHYDE (Dung dịch formaldehyde 37%)

Tên gọi khác: Metyl aldehyde; Methylene oxide; Metanal; Formaline; Formol ...

Số CAS: 50-00-0

Số UN: 2209

Mã HS: 2912 11 00

Số EC: 200-001-8

Công thức: Formaldehit (CH_2O)

THÔNG TIN VẬT LÝ & HÓA HỌC	PHÂN LOẠI & GHI NHÃN
Trạng thái vật lý: Trạng thái vật lý: thể lỏng Màu sắc: không màu Mùi đặc trưng: Gây nhức, có mùi hăng Nguy hiểm về mặt vật lý: Các chất khử có xu hướng polyme hóa Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức Nguy cơ hóa học Chất này trùng hợp khi tiếp xúc với kiềm và nếu hòa tan trong nước. Khi đun nóng, khối độc được hình thành. Phản ứng dữ dội với chất oxy hóa mạnh, axit mạnh và bazơ mạnh. Điều này tạo ra nguy cơ nổ.	Thông tin theo GHS của Liên Hợp Quốc  NGUY HIỂM Phân loại hóa chất: Độc cấp tính, (Cấp 3) H301: Ngộ độc nếu nuốt phải. Độc cấp tính, (Cấp 2) H330: Chết nếu hít phải. Độc cấp tính, (Cấp 3) H311: Ngộ độc khi tiếp xúc với da.

Thông tin lý hóa	
Điểm sôi	93 - 96 °C (1013 hPa)
Tỉ trọng	1,09 g/cm ³ (20 °C)
Giới hạn nổ	7 - 73%(V) (Formaldehyd)
Điểm chớp cháy	62 °C (Formaldehyd)
Nhiệt độ bắt lửa	300 °C (Formaldehyd)
Điểm nóng chảy	<-15 °C
giá trị pH	2,8 - 4,0 (H ₂ O, 20 °C)

Ăn mòn da, (Phân hạng 1B) H314: Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
Gây tổn thương nặng cho mắt, (Cấp 1) H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Nhạy cảm với da, (Cấp 1) H317: Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Độc biến tế bào mầm (tế bào gen), (Cấp 2) H341: Nghi ngờ gây ra các khuyết tật di truyền.
Tác nhân gây ung thư, (Cấp 1B) H350: Có thể gây ung thư.
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn, (Cấp 1), Mắt, Hệ thần kinh trung ương H370: Gây tổn thương cho các cơ quan.
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn, (Cấp 3), Hệ hô hấp H335: Có thể gây kích ứng hô hấp.

Phân loại hàng hóa nguy hiểm của Liên Hợp Quốc về vận chuyển hàng nguy hiểm



Loại 8: Chất ăn mòn

TIẾP XÚC VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI SỨC KHỎE	
Con đường tiếp xúc Chất này có thể được hấp thụ vào cơ thể qua đường hô hấp. Tác động của việc tiếp xúc trong thời gian ngắn Chất này gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt và đường hô hấp. Hít phải nồng độ cao có thể gây phù phổi, nhưng chỉ sau khi các tác động ăn mòn ban đầu lên mắt và đường hô hấp trên đã trở nên rõ ràng.	Nguy cơ hít phải Nồng độ khí độc hại này trong không khí sẽ đạt đến mức rất nhanh khi mất khả năng kiểm soát. Tác động của việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại Việc hít phải hơi liên tục hoặc mãn tính có thể gây viêm mãn tính đường hô hấp trên. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây nhạy cảm da. Chất này gây ung thư cho con người.
ỨNG DỤNG	
Trong công nghiệp, ứng dụng trong ngành sản xuất nhựa và làm chất trung gian hóa học. Các loại nhựa ure formaldehyt (UF) và phenol formaldehyt (PF) được sử dụng trong việc sản xuất các bột cách nhiệt, nhựa, phân bón, giấy và chất kết dính trong sản xuất ván dăm, ván ép, đồ nội thất. Ngoài ra, nó còn được sử dụng trong một số sản phẩm thuốc sát trùng, mỹ phẩm...	

PHẦN II
QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH
(MUA, BÁN, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU), SỬ DỤNG, BẢO QUẢN VÀ
VẬN CHUYỂN FORMALDEHYDE 37% VÀ CÁC HỢP CHẤT CỦA
FORMALDEHYDE THUỘC DANH MỤC HÓA CHẤT HẠN CHẾ
SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP)

Quy định về hóa chất dung dịch formaldehyde 37%

Quy định các yêu cầu chung về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển dung dịch formaldehyde 37% và các hợp chất của formaldehyde trong lĩnh vực công nghiệp.

Quy định quản lý các hợp chất của dung dịch formaldehyde 37% và các hợp chất của formaldehyde trong lĩnh vực công nghiệp

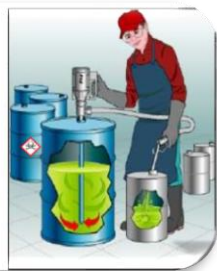
Dung dịch formaldehyde 37% và các hợp chất của formaldehyde trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất nguy hiểm nhưng thuộc Danh mục Hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu), sử dụng, bảo quản và vận chuyển dung dịch formaldehyde 37% và các hợp chất của formaldehyde trong lĩnh vực công nghiệp phải thực hiện các quy định sau:

Quy định	Hóa chất có trong Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp	Dung dịch formaldehyde 37% và các hợp chất của formaldehyde trong lĩnh vực công nghiệp
Quy định quản lý	Hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp bao gồm: (1) Chất có trong Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp được ban hành tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 82/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. (2) Hỗn hợp chất chứa (formaldehyde) chất có trong Phụ lục II kèm theo Nghị định này được phân loại theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP thuộc ít nhất một trong các nhóm phân loại sau đây: a) <i>Độc cấp tính (theo các đường phơi nhiễm khác nhau) cấp 1;</i> b) <i>Tác nhân gây ung thư cấp 1A, 1B;</i> c) <i>Độc tính sinh sản cấp 1A, 1B;</i> d) <i>Đột biến tế bào mầm cấp 1A, 1B.</i>	Dung dịch formaldehyde 37% là hóa chất thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp được phân loại theo GHS là <i>Tác nhân gây ung thư, (Cấp 1B) H350: Có thể gây ung thư</i> do đó hoạt động sản xuất, kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện quy định từ Điều 14 đến Điều 17 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. 

Sản xuất	(1) Đáp ứng và duy trì các điều kiện về sản xuất hóa chất hạn chế, bao gồm các điều kiện về nhà xưởng, kho chứa, công nghệ, thiết bị, dụng cụ, bao bì, bảo quản, xây dựng Kế hoạch/Biện pháp, huấn luyện an toàn hóa chất...; (2) Bộ Công Thương cấp Giấy phép hóa chất hạn chế sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp. (3) Thực hiện quy định về phân loại, ghi nhãn, lập phiếu an toàn hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường.  	1. Điều kiện sản xuất a) Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; d) Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất; đ) Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất. (2) Thực hiện quy định về phân loại, ghi nhãn, lập phiếu an toàn hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường.
Kinh doanh	(1) Đáp ứng và duy trì các điều kiện về kinh doanh hóa chất hạn chế; (2) Bộ Công Thương cấp Giấy phép hóa chất hạn chế kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. (3) Thực hiện quy định về kiểm soát hóa chất hạn chế theo Điều 17 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, theo đó chỉ được bán hóa chất hạn chế cho các tổ chức, cá nhân: - Đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh hóa chất hạn chế theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; (4) Thực hiện quy định quản lý hóa chất độc quy định về kiểm soát mua, bán hóa chất độc tại Điều 23 Luật Hóa chất. Dung dịch formaldehyde 37% được phân loại theo GHS là chất Độc nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da do đó khi kinh doanh phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật hóa chất là hóa chất có một hoặc một số đặc tính nguy hiểm sau đây theo	Điều kiện kinh doanh a) Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; d) Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật; e) Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

	nguyên tắc phân loại của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất: (đ) Độc cấp tính; e) Độc mãn tính; g) Gây kích ứng với con người; h) Gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư; i) Gây biến đổi gen; k) Độc đối với sinh sản; l) Tích lũy sinh học; m) Ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy; n) Độc hại đến môi trường. “5. Hoá chất độc là hóa chất nguy hiểm có ít nhất một trong những đặc tính nguy hiểm quy định từ điểm đ đến điểm n khoản 4 Điều 4 Luật Hóa chất”.	g) Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất. h) Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định này phải được huấn luyện an toàn hóa chất.
		
Nhập khẩu	(1) Phải thực hiện khai báo hóa chất trên Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi thông quan. https://vnsw.gov.vn/	(1) Phải thực hiện: bản khai báo hóa chất nhập khẩu qua cổng thông tin một cửa quốc gia và được phản hồi thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu qua cổng thông tin một cửa quốc gia - Mới đủ điều kiện nhập khẩu
	(2) Thực hiện quy định về phân loại, ghi nhãn, lập phiếu an toàn hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường.	(2) Thực hiện quy định về phân loại, ghi nhãn, lập phiếu an toàn hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường.
		
Vận chuyển	Điều 20. Vận chuyển hóa chất nguy hiểm (Luật Hóa chất) 1. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của pháp luật về giao thông	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường

	đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, hàng hải và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển, người điều khiển phương tiện, chủ hàng, chủ phương tiện có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế hậu quả, khắc phục sự cố, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân và cơ quan có liên quan nơi gần nhất. Dung dịch formaldehyde 37% và các hợp chất của formaldehyde Phân loại hàng hóa nguy hiểm đối với dung dịch formaldehyde 37% - Tùy theo tính chất hóa, lý, hàng hóa nguy hiểm được phân thành 9 loại và nhóm loại tùy nhiên dung dịch formaldehyde 37% (ví dụ: Dung dịch formaldehyde 37%) thuộc: Loại 8: Chất ăn mòn. * Quá trình vận chuyển hóa chất phải thực hiện theo quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm.	bộ và phương tiện thủy nội địa.  Quá trình vận chuyển hóa chất phải thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP như sau: “Điều 17. Thẩm quyền cấp Giấy phép và các trường hợp miễn cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm 1. Bộ Công an tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này (trừ hóa chất bảo vệ thực vật và quy định tại khoản 2 Điều này). 2. Bộ Quốc phòng tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cho các tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 34/2024/NĐ-CP”.
Cất giữ, bảo quản hóa	Cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm trong sản xuất, kinh doanh hóa chất như thế nào? Căn cứ theo quy định tại Điều 21 Luật Hóa chất 2007 như sau: <i>"Điều 21. Cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm trong sản xuất, kinh doanh hóa chất</i> <i>Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:</i> 1. Điều kiện về khoảng cách an toàn, yêu cầu kỹ thuật an toàn trong cất giữ, bảo quản hoá chất; 2. Có các cảnh báo cần thiết tại nơi cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 của Luật này;	 Yêu cầu đối với bảo quản hóa chất thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

	3. Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất; 4. Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Chương VI của Luật này." <i>“Điều 6. Yêu cầu đối với bảo quản hóa chất (Nghị định số 113/2017/NĐ-CP) quy định:</i> 1. Các hoá chất nguy hiểm phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản chung các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau hoặc có yêu cầu về an toàn hóa chất, phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực. 2. Hoá chất trong kho phải được bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, đảm bảo yêu cầu an toàn, thuận lợi cho công tác ứng phó sự cố hóa chất”.	
Yêu cầu đối với hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất	Căn cứ theo Điều 7 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định như sau: <i>“Điều 7. Yêu cầu đối với hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất</i> 1. Hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất phải được thực hiện tại địa điểm đảm bảo các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan. 2. Thiết bị san chiết, đóng gói hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị. 3. Bao bì, vật chứa và nhãn hóa chất sau khi san chiết, đóng gói phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này. 4. Người lao động trực tiếp san chiết, đóng gói hóa chất phải được huấn luyện về an toàn hóa chất”.	  
Sử dụng	Tuân thủ các quy định về sử dụng hóa chất tại Chương V Luật Hóa chất, trong đó có quy định không được sử dụng các hóa chất độc trong các sản phẩm thực phẩm, mỹ phẩm phụ gia thực phẩm, chất bảo quản thực phẩm...	Tuân thủ các quy định về sử dụng hóa chất tại Chương V Luật Hóa chất, trong đó có quy định không được sử dụng các hóa chất độc trong các sản phẩm thực phẩm, mỹ phẩm phụ gia thực phẩm...

		
Kiểm soát mua, bán hóa chất độc khi lưu thông trên thị trường	1. Việc mua, bán hóa chất độc phải có phiếu kiểm soát, có xác nhận của bên mua, bên bán để làm cơ sở cho việc kiểm soát hóa chất độc lưu thông trên thị trường. 2. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc bao gồm các thông tin về tên hóa chất, số lượng hóa chất, mục đích sử dụng; tên, chữ ký của người mua, người bán; địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân của người đại diện bên mua và bên bán; ngày giao hàng. 3. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc phải được lưu giữ tại bên bán, bên mua ít nhất năm năm và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 4. Bộ Công thương quy định mẫu phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc.  <i>Kiểm soát mua, bán hóa chất độc khi lưu thông trên thị trường</i> 	Mẫu phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc được ban hành kèm theo Phụ lục 4 Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương. Theo khoản 2 Điều 19 Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định như sau: Việc mua, bán hóa chất độc phải có Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc theo quy định tại Điều 23 Luật hóa chất 2007. Hóa chất độc được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 113/2017/NĐ-CP như sau: Hóa chất độc bao gồm các hóa chất được quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật hóa chất 2007, cụ thể như sau: Hóa chất độc là hóa chất nguy hiểm có ít nhất một trong những đặc tính nguy hiểm sau: - Độc cấp tính; - Độc mãn tính; - Gây kích ứng với con người; - Gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư; - Gây biến đổi gen; - Độc đối với sinh sản; - Tích lũy sinh học; - Ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy; - Độc hại đến môi trường. Theo đó, việc mua, bán hóa chất độc phải có phiếu kiểm soát, có xác nhận của bên mua, bên bán để làm cơ sở cho việc kiểm soát hóa chất độc lưu thông trên thị trường. Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất bao gồm các thông tin theo quy định trên đồng thời phiếu kiểm soát mua bán hóa chất phải được lưu giữ tại bên bán, bên mua ít nhất năm năm và phải

		xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
Báo cáo	Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm phải thực hiện báo cáo tình hình hoạt động hóa chất của năm trước trên Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia. https://chemicaldata.gov.vn/	Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm phải thực hiện báo cáo tình hình hoạt động hóa chất của năm trước trên Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia. https://chemicaldata.gov.vn/
Xử lý, thải bỏ Hóa chất	Căn cứ theo quy định tại Điều 25, Điều 35 Luật Hóa chất 2007 như sau: “Điều 25. Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất (Luật Hóa chất) 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hóa chất phải xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành quy định việc xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”. “Điều 35. Xử lý hóa chất bị thải bỏ trong sử dụng (Luật Hóa chất) 1. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất để sản xuất sản phẩm, hàng hóa, sử dụng hóa chất trong thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, tiêu dùng phải xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Hóa chất bị thải bỏ phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.	Tuân thủ theo pháp Luật Việt Nam: - Luật Hóa chất. - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6706:2009 về Chất thải nguy hại - Phân loại - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo

	3. Hóa chất được sử dụng cho mục đích tiêu dùng trong hộ gia đình, cá nhân phải được thải bỏ theo khuyến nghị của nhà sản xuất, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn cho người và môi trường”.	
* Như vậy, trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay, tất cả các khâu sản xuất, kinh doanh (mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu), sử dụng, bảo quản và vận chuyển Dung dịch formaldehyde 37% và các hợp chất của formaldehyde đều đã được kiểm soát. Với các quy định nêu trên, nếu tổ chức, cá nhân không tuân thủ sẽ xử phạt.		

PHẦN III

MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT, HÓA CHẤT HẠN CHẾ SỬ DỤNG TRONG CÔNG NGHIỆP



Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

Điều 17. Vi phạm quy định về hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp;

b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp.

3. (được bãi bỏ)

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quy định về cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp khi có thay đổi về thông tin của cá nhân, tổ chức.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh không đúng địa điểm, quy mô, chủng loại hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ghi trong Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp mà không có Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp hoặc tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về kiểm soát hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất để sử dụng nhưng không đảm bảo các quy định về sử dụng hóa chất nguy hiểm.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bán hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất để kinh doanh nhưng không đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Ví dụ: Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất hạn chế Không lập Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc bị xử lý thế nào?

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định 113/2017/NĐ-CP, ta thấy việc lập Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất là trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thực hiện việc mua bán hóa chất độc. Vì là trách nhiệm nên bắt buộc tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động mua bán hóa chất độc cần nghiêm túc thực hiện. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân mua bán hóa chất độc mà không tiến hành lập Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc theo đúng quy định của pháp luật thì hình thức xử lý áp dụng như sau:

Điều 21. Vi phạm quy định về Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc không có xác nhận của bên mua hoặc bên bán;

b) Không có đầy đủ các thông tin theo quy định đối với mỗi Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc: Tên hóa chất, số lượng hóa chất, mục đích sử dụng; tên, chữ ký của người mua hoặc người bán; địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân của người đại diện bên mua hoặc bên bán; ngày giao hàng.

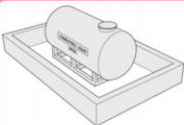
2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ mỗi Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc theo quy định đối với hóa chất độc.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi mua bán hóa chất độc không có Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc.

Mức xử phạt áp dụng đối với tổ chức, cá nhân mua bán hóa chất độc không có Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc được quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 71/2019/NĐ-CP cụ thể là phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Theo đó, mức phạt tiền này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân thực hiện. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 71/2019/NĐ-CP.

Như vậy, việc lập Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc khi thực hiện mua bán hóa chất độc là cần thiết và bắt buộc. Do vậy, trường hợp tổ chức, cá nhân mua bán hóa chất độc mà không có Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc theo đúng quy định thì sẽ bị xử lý theo Nghị định 71/2019/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP.

VI PHẠM YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT				
Điều 5. Vi phạm quy định về yêu cầu đối với nhà xưởng, kho chứa, thiết bị trong sản xuất, kinh doanh hóa chất				
MỨC VI PHẠM-(Phạt tiền từ) Đồng				
1.000.000 - 2.000.000	3.000.000 - 5.000.000	10.000.000 - 15.000.000	15.000.000 - 20.000.000	
ĐỐI VỚI MỘT TRONG CÁC HÀNH VI VI PHẠM SAU:				
1 Không có bảng hiệu và đèn báo tại lối thoát hiểm của nhà xưởng, kho chứa hóa chất.	2 a) Không có thông tin thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất theo quy định trong biển báo nguy hiểm treo tại nhà xưởng, kho chứa hóa chất; b) Không treo, đặt biển báo các đặc tính nguy hiểm của hóa chất ở nơi dễ thấy trong nhà xưởng, kho chứa hóa chất; c) Không có bảng nội quy về an toàn hóa chất trong nhà xưởng, kho chứa hóa chất; d) Không treo, đặt bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn ở vị trí dễ thấy, dễ đọc tại khu vực sản xuất có hóa chất nguy hiểm; đ) Sử dụng hệ thống chiếu sáng không đảm bảo đúng quy định, yêu cầu trong sản xuất, cất giữ hóa chất; e) Sử dụng hệ thống thông gió tại nhà xưởng, kho chứa hóa chất không đáp ứng một trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió; g) Không có hệ thống thu lồi chống sét cho nhà xưởng, kho chứa hóa chất không nằm trong khu vực được chống sét an toàn; h) Không có rãnh thu gom và thoát nước cho sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất.	3 a) Sử dụng bồn chứa ngoài trời không có đê bao hoặc không có các biện pháp kỹ thuật khác để ngăn chặn hóa chất thoát ra môi trường; b) Không thực hiện kiểm định định kỳ đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình sử dụng. 	4 a) Không duy trì các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ tại kho chứa hóa chất đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; khu vực riêng trong kho hoặc kho riêng để tồn trữ, bảo quản đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; b) Không chứa hóa chất trong kho để tồn trữ, bảo quản đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; không duy trì việc tồn trữ, bảo quản hóa chất ở một khu vực riêng trong kho hoặc kho riêng để tồn trữ, bảo quản đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 	5 Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này.

VI PHẠM YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT			
MỨC XỬ PHẠT		MỨC XỬ PHẠT	
Điều 6. Vi phạm quy định về vật chứa, bao bì chứa đựng hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất		Điều 7. Vi phạm quy định về bảo quản hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất	
■ LỖI VI PHẠM ĐỐI VỚI HÀNH VI ■ MỨC TIỀN PHẠT		■ LỖI VI PHẠM ĐỐI VỚI HÀNH VI ■ MỨC TIỀN PHẠT	
không bảo quản riêng bao bì hóa chất đã qua sử dụng mà còn tiếp tục được sử dụng để bảo quản hóa chất.	5 -10 triệu đồng	1 Không thực hiện phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất nguy hiểm.	3 -5 triệu đồng
sử dụng vật chứa, bao bì của hóa chất không đảm bảo kín, chắc chắn khi bốc, xếp vận chuyển.	10 -15 triệu đồng	2 trong trường hợp tái phạm đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 7.	5 -10 triệu đồng
không kiểm tra, làm sạch bao bì, vật chứa hóa chất đã qua sử dụng trước khi nạp hóa chất.	15 -20 triệu đồng	3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.	
4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.			

PHẦN IV
HÀNH VI LIÊN QUAN ĐẾN
TỘI SẢN XUẤT, TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, SỬ DỤNG HOẶC
MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT ĐỘC

BỘ LUẬT HÌNH SỰ



Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13

Điều 311. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc 323

1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Vật phạm pháp có số lượng lớn;
- c) Làm chết người;
- d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;
- e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
- g) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;
- h) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn;
- b) Làm chết 02 người;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn;
- b) Làm chết 03 người trở lên;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;
- d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.

Điều 312. Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc 324

1. Người nào vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc xử lý chất cháy, chất độc gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Làm chết 02 người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;
- c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Làm chết 03 người trở lên;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;
- c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT HẠN CHẾ

[1.] Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

[2.] Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

[3.] Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

[4.] Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

[5.] Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

[6.] Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

[7.] Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

[8.] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.



V.H.V